

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN SƠN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 27/5/2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Ninh và bà Hà Thị Vinh.

*Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Âu Thị Đ**, sinh năm 1988.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Ngọc H**, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Điều có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hiệp vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Âu Thị Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 24/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh Hiệp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh Hiệp sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

Về con chung: Chị và anh Hiệp có 02 con chung là cháu Trần Tố Uyên, sinh ngày 20/7/2010 và cháu Trần Hồng Sơn, sinh ngày 14/8/2014, hiện cháu Uyên và cháu Sơn đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tố Uyên và cháu Trần Hồng Sơn và không yêu cầu anh Hiệp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung; không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi giấy triệu tập nhưng anh Hiệp không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương được biết, hiện anh Hiệp có hộ khẩu thường trú tại thôn Trại Xoan, xã H, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang và đang có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu khác cho anh Hiệp để anh Hiệp đến Tòa án giải quyết vụ án, nhưng anh Hiệp đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, chị Điều có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Chị Âu Thị Đ và anh Trần Ngọc H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Như Hán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Điều, anh Hiệp về chung sống với gia đình anh Hiệp một thời gian sau đó ra ở riêng tại thôn Trại Xoan, xã H, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn, kinh tế, vợ chồng chị Điều, anh Hiệp sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hiện không còn tồn tại một gia đình, hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ chồng chị Điều, anh Hiệp có 02 con chung là cháu Trần Tố Uyên, sinh ngày 20/7/2010 và cháu Trần Hồng Sơn, sinh ngày 14/8/2014, hiện cháu Uyên và cháu Sơn đang ở với chị Điều. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị Điều, anh Hiệp thôn không nắm được. Về hộ khẩu thường trú, chị Điều, anh Hiệp đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Trại Xoan, xã H, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay cả chị Điều, anh đều có mặt tại địa phương, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhờ thôn tổng đạt các tài liệu cho anh Trần Ngọc H, thôn đã giao trực tiếp cho anh Hiệp, anh Hiệp nhận được và biết được tất cả các tài liệu của Tòa án nhưng không có ý kiến gì. Về thu nhập bình quân của chị Điều và anh Hiệp, chị Điều là giáo viên hưởng lương từ ngân sách Nhà nước nên thôn không nắm được, còn thu nhập của anh Hiệp khoảng 150.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày.

Chị Điều có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, về quan hệ hôn nhân, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc H. Về con chung, chị và anh Hiệp có 02 con chung, là cháu Trần Tố Uyên, sinh ngày 20/7/2010 và cháu Trần Hồng Sơn, sinh ngày 14/8/2014, hiện cháu Uyên và cháu Sơn đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tố Uyên và cháu Trần Hồng Sơn và không yêu cầu anh Hiệp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, chị xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Âu Thị Đ được ly hôn với anh Trần Ngọc H. Về con chung, giao cháu Trần Tố Uyên, sinh ngày 20/7/2010 và cháu Trần Hồng Sơn, sinh ngày 14/8/2014 cho chị Âu Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Hiệp không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, chị Điều xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, chị Âu Thị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Âu Thị Đ và anh Trần Ngọc H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại thôn Trại Xoan, xã H, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang nên chị Âu Thị Đ khởi kiện xin ly hôn với anh Hiệp là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ với chính quyền địa phương được biết, anh Hiệp có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại thôn Trại Xoan, xã H, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Địa phương cho biết, anh Hiệp có biết việc chị Điều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và nhận được tất cả các tài liệu của Tòa án. Tuy nhiên, anh Hiệp không đến Tòa án giải quyết vụ án, tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải anh Hiệp vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc H theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị Đ và anh Trần Ngọc H đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo tập quán địa phương, như vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Điều, anh Hiệp về chung sống với gia đình anh Hiệp một thời gian sau đó ra ở riêng tại thôn Trại Xoan, xã H, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hoà thuận bình thường, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn, kinh tế, vợ chồng chị Điều, anh Hiệp sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa nên không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân giữa chị Điều và anh Hiệp Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng chị Điều, anh Hiệp đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Điều là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Điều. Xử cho chị Âu Thị Đ được ly hôn với anh Trần Ngọc H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Âu Thị Đ và anh Trần Ngọc H có 02 con chung là cháu Trần Tố Uyên, sinh ngày 20/7/2010 và cháu Trần Hồng Sơn, sinh ngày 14/8/2014, hiện cháu Uyên và cháu Sơn đang ở với chị Điều. Xét về điều kiện, hoàn cảnh để giao con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án nguyện vọng của cháu Trần Tố Uyên và cháu Trần Hồng Sơn là được ở với mẹ và hiện hai cháu đang ở với chị Điều. Chị Điều là giáo viên Trường Mầm non H, có thu nhập ổn định, được hưởng lương từ ngân sách Nhà Nước, thu nhập mỗi tháng là 6.242.653 đồng. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Điều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Uyên và cháu Sơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đang làm ăn, sinh sống tại địa phương, anh Hiệp đã nhận được, biết được yêu cầu của chị Điều và các tài liệu của Tòa án nhưng anh Hiệp không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của chị Điều. Từ các nhận định như trên, để đảm bảo về sự phát triển toàn diện của đứa trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Tố Uyên, sinh ngày 20/7/2010 và cháu Trần Hồng Sơn, sinh ngày 14/8/2014 cho chị Âu Thị Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Điều không yêu cầu anh Hiệp cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Hiệp không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Điều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Âu Thị Đ được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tố Uyên, sinh ngày 20/7/2010 và cháu Trần Hồng Sơn, sinh ngày 14/8/2014 cho chị Âu Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Âu Thị Đ phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003936, ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, chị Điều đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Âu Thị Đ và anh Trần Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Ninh - Hà Thị Vinh**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Thủy**